TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/HS-ST
Ngày: 02-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đèo Văn Vĩnh.

Ông Lò Văn Chiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2024/TLST – HS ngày 31/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HS ngày 14/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Giàng A H** *(tên gọi khác: không có)*; Giới tính: N, sinh năm 1995, tại huyện P, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Liên hữu cơ đốc; Con ông Giàng A S (đã chết) và bà Vàng Thị M, sinh năm 1964; Vợ: Ma Thị X, sinh năm 1997; Con: Có 04 con, con lớn sinh năm 2015; con nhỏ sinh năm 2022; Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/4/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Giàng A H1** *(tên gọi khác: không có)*; Giới tính: N, sinh năm 2000, tại huyện P, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Liên hữu cơ đốc; Con ông Giàng A S (đã chết) và bà Vàng Thị M, sinh năm 1964; Vợ: Liều Thị C, sinh năm 1998; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2019; con nhỏ sinh năm 2023; Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/4/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Giàng A C1** *(tên gọi khác: không có)*; Giới tính: N, sinh năm **1995**, tại huyện P, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Liên hữu cơ đốc; Con ông Giàng A S (đã chết) và bà Vàng Thị M, sinh năm 1964; Vợ: Giàng Thị D, sinh năm 1996; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2016; con nhỏ sinh năm 2019; Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/4/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:*** UBND xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo pháp luật: Ông Phàn A C2 - Chủ tịch xã. *(có đơn xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 12 năm 2022 (do thời gian đã lâu nên không nhớ ngày), Giàng A C1 sinh năm 1995, Giàng A H sinh năm 1995, Giàng A H1 sinh năm 2000 là anh em ruột cùng trú tại bản Lảng Than, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu có bàn với nhau về việc đi phát cỏ, chặt cây để lấy đất làm nương gieo trồng lúa nương tại lô 49c và lô 26f, khoảnh 8, tiểu khu B rừng tự nhiên phòng hộ thuộc địa phận bản Mù Sang, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu (Do đầu năm 2022, ông Giàng A S là bố của H, H1, C1 khi còn sống có nói về việc gia đình có một đám nương nhưng đã bỏ hoang được khoảng 15 năm và chỉ cho H1 vị trí đám nương bỏ hoang).

Thống nhất xong, sáng ngày hôm sau, C1, H, H1 mỗi người mang theo 01 con dao phát dài hơn 01m đi từ bản L, xã M, huyện P tới khu vực lô 49c và lô 26f, khoảnh 8, tiểu khu B rừng tự nhiên thuộc địa phận bản M, xã M, huyện P. Đến nơi, tại điểm mốc tọa độ M12 thì H1, H, C1 đứng dàn thành hàng ngang bắt đầu sử dụng dao phát phát cỏ và chặt những cây có kích thước nhỏ theo hướng từ T lên phía Tây Nam lên đến điểm mốc tọa độ M17 thì cả ba dừng việc chặt cây có kích thước nhỏ và phát cỏ. Sau đó cả ba cầm dao phát quay lại vị trí điểm mốc tọa độ M12 rồi đứng dàn thành hàng ngang tiếp tục dùng dao phát để phát cỏ và chặt các cây có kích thước nhỏ theo hướng từ phía T lên phía Đông Nam. Do diện tích mà cả ba đang phát có nhiều cây to có kích thước đường kính khoảng 40cm, cao khoảng 07 đến 08m biết không thể sử dụng dao phát để chặt hạ được các cây trên nên trong quá trình phát cỏ, chặt các cây có kích thước nhỏ, H, H1, C1 có nói chuyện và bàn bạc với nhau về việc chỉ chặt những cây có kích thước nhỏ và phát cỏ còn những cây kích thước lớn sáng hôm sau sẽ sử dụng cưa máy để cưa hạ các cây trên. Đến chiều tối cùng ngày H, H1, C1 phát cỏ, cây có kích thước nhỏ đến vị trí điểm mốc tọa độ M21 thì kết thúc sau đó cả ba đi về nhà. Đến sáng ngày hôm sau, gia đình C1 được Nhà nước cấp téc đựng nước nên phải đi ra Ủy ban nhân dân xã M, huyện P để nhận nên không đi hạ cây cùng H và H1. Trước khi đi ra Ủy ban nhân dân xã M thì C1 có nói với H và H1 là "các em cứ đi hạ cây đi, anh phải ra Ủy ban nhân dân xã nhận téc nước". Thấy C1 nói vậy, H và H1 không nói gì mà lấy 01 chiếc cưa máy chạy bằng xăng, màu vàng (không nhớ rõ nhãn hiệu) có sẵn trong nhà H1 rồi cả hai đi lên khu vực khoảnh 8, tiểu khu B thuộc địa phận bản Mù Sang, xã M, huyện P để cưa hạ các cây có kích thước lớn hơn. Đến điểm mốc tọa độ M12, H sử dụng cưa máy để cưa hạ cây còn H1 thì đứng bên cạnh để giúp H. Cả hai cùng thay phiên nhau sử dụng cưa máy để cưa hạ cây theo hướng từ phía T lên phía Đông Nam, từ phía T lên phía Tây Nam và từ phía Đông Nam ra phía Tây Nam. Đến chiều tối cùng ngày khi cả hai cưa cây đến vị trí điểm mốc tọa độ M21 thì kết thúc rồi cả hai đi về nhà. Được khoảng 01 tháng sau H, H1, C1 đã cùng nhau lên khu vực lô 49c và lô 26f khoảnh 8, tiểu khu B để dọn cỏ, chặt các cành cây để gieo thóc.

Đến khoảng 10 giờ ngày 04/5/2023, Kiểm lâm địa bàn phối hợp với các lực lượng chức năng của xã M thực hiện Kế hoạch tuần tra, kiểm tra rừng trên địa bàn xã M, huyện P tới khu vực lô 49c và lô 26f, khoảnh 8, tiểu khu B rừng tự nhiên phòng hộ

thuộc địa phận bản Mù Sang, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu thì phát hiện, lập biên bản. Cùng ngày, C1, H1, H được Kiểm lâm mời lên làm việc, tại đây cả ba đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực giám định tư pháp về lâm nghiệp số: 07-2023/KL/GĐTP ngày 24/8/2023 của Chi cục Kiểm lâm - Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh L kết luận: Tổng diện tích rừng bị thiệt hại là: 5.834m². Bằng chữ (Năm nghìn tám trăm ba mươi tư mét vuông), cụ thể: Lô 49c, khoảnh 8, tiểu khu B diện tích bị thiệt hại là: 2.450 m²; trạng thái: rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường X1 (TXB) thuộc phân loại rừng phòng hộ; Lô 26f, khoảnh 8, tiểu khu B diện tích bị thiệt hại là: 3.384m²; trạng thái: rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo (TXN), thuộc phân loại rừng phòng hộ. Mức độ thiệt hại: Tại thời điểm giám định mức độ thiệt hại về lâm sản (gỗ) là 100%. Khối lượng lâm sản bị thiệt hại: Tại thời điểm giám định có lâm sản bị thiệt hại, tuy nhiên do hiện trường không có đầy đủ cơ sở để xác định trữ lượng lâm sản nên tổ công tác không xác định được trữ lượng lâm sản bị thiệt hại; trạng thái rừng được xác định trên cơ sở kết quả theo dõi diễn biến rừng gần nhất đã được công bố, phê duyệt.

Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số:10/CNR-VP ngày 05/01/2024 của Viện nghiên cứu công nghệ rừng thuộc V kết luận: Căn cứ kết quả phân tích cấu tạo thô đại và hiển vi của 03 (ba) mẫu gỗ giám định do Cơ quan CSĐT Công an huyện P cung cấp, được ghi số đăng ký mẫu giám định của V1 rừng 23373-1, 23373-2 và 23373-3, kiểm tra so sánh với cơ sở dữ liệu các loài gỗ, mẫu tham chiếu, tài liệu, kết luận: 03 mẫu gỗ giám định nêu trên thuộc 03 (ba) chủng loại gỗ khác nhau, cụ thể là: loài C3, có tên khoa học là E sp, nhóm gỗ VI là cây gỗ thuộc chi Chẹo (E), họ C3 (Juglandaceae); Loài D1 (Lithocarpus sp) là loài cây gỗ thuộc chi Dẻ (L), họ D1 (Fagaceae); Loài M1 (Cassia sp) là cây gỗ thuộc chi Muồng (C), họ Đ (F). Các loài gỗ trên không có tên trong "Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm" ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và có trong *"Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*" ban

hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ, do vậy đây là các loài cây thông thường.

Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2024 của Hội đồng định giá huyện P, kết luận: Giá trị của 2.450m² là rừng tự nhiên núi đất thường xanh trung bình, phòng hộ là 0,245ha. Mức độ thiệt hại là: Thiệt hại về lâm sản (gỗ) là 100%. Có giá trị bị thiệt hại tại thời điểm tháng 12/2022 là: 64.808.000 đồng. Giá trị của 3.384m² là rừng tự nhiên núi đất thường xanh nghèo, phòng hộ là 0,3384ha. Mức độ thiệt hại về lâm sản (gỗ) là 100%. Có giá trị bị thiệt hại tại thời điểm tháng 12/2022 là: 54.608.000 đồng. Tổng diện tích rừng bị thiệt hại: 5.834 m² nêu trên có giá trị bị thiệt hại tại thời điểm tháng 12/2022 theo giá chào bán bình quân có giá trị là: **119.416.000 đồng**.

Cáo trạng số: 41/CT- VKS, ngày 31/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố Giàng A C1, Giàng A H1, Giàng A H về tội "*Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với các bị cáo. Kiểm sát viên đánh giá đối với các bị cáo. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã tự nguyện khắc phục thiệt hại bằng cách trồng lại các cây rừng theo yều cầu của UBND xã M bồi thường thiệt hại cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Do vậy, về hình phạt chính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 243; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 36 Bộ luật hình sự cho cả 3 bị cáo. Xử phạt bị cáo Giàng A H mức án từ 18 tháng đến 22 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Giàng A H1 mức án từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Giàng A C1 mức án từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành cải tạo không giam giữ. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn

hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo; đề nghị xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với tổng khối lượng các cây gỗ là 96,492m^3 gỗ tiếp tục giao cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu đang quản lý, bảo quản để xử lý theo quy định.

Bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại giai đoạn điều tra, và trong đơn xin xét xử vắng mặt. Xác nhận đến nay các bị cáo đã khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thể hiện việc các bị cáo đã trồng lại rừng cho số diện tích khu vực rừng đã bị chặt phá để tái phục hồi lại rừng, chăm sóc cây rừng tại lô 49c và lô 26f, khoảnh 8, tiểu khu B thuộc bản M, xã M, huyện P, ngoài ra đại diện bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường theo Kết luận định giá tài sản.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội; các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế nên dẫn đến phạm tội, bản thân các bị cáo đã khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật của các bị cáo gây ra, đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời

khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Mặc dù biết Nhà nước cấm khai thác, chặt phá, đốt rừng phòng hộ nhưng vì muốn có đất làm nương nên trong khoảng thời gian 02 ngày vào cuối tháng 12 năm 2022, tại khu vực lô 49c và lô 26f, khoảnh 8, tiểu khu B thuộc địa phận bản Mù Sang, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu là khu rừng tự nhiên thuộc loại rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu quản lý, Giàng A H sinh năm 1995, Giàng A C1 sinh năm 1995, Giàng A H1 sinh năm 2000 cùng trú tại bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu đã sử dụng dao phát, cưa máy để chặt phá 100% cây hỗn loài với tổng diện tích là 5.834m². Trong đó, Lô 49c, khoảnh 8, tiểu khu B diện tích bị thiệt hại là 2.450 m², trạng thái: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh trung bình (TXB), thuộc phân loại rừng phòng hộ. Lô 26f, khoảnh 8, tiểu khu B diện tích bị thiệt hại là 3.384m², trạng thái: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo (TXN) thuộc phân loại rừng phòng hộ. Gây tổng thiệt hại 100% về Lâm sản (gỗ) có giá trị là 119.416.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ ngày 04/5/2023, tổ công tác Kiểm lâm huyện P và Ủy ban nhân dân xã M phát hiện, lập biên bản, tạm giữ vật chứng. Hành vi của Giàng A C1, Giàng A H, Giàng A H1 đã phạm vào tội "*Hủy hoại rừng",* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có vai trò như nhau và cùng nhau thực hành. Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, diện tích rừng bị cáo hủy hoại có chức năng là rừng phòng hộ. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây hậu quả xấu, ảnh hưởng trực tiếp đến sự bền vững và ổn định của môi trường, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tại địa phương, là nguyên nhân có thể dẫn đến thiên tai và có thể gây thiệt hại cả về kinh tế cho xã hội. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thiệt hại thực tế xảy ra và những thiệt hại có thể xảy ra do hậu quả của hành vi hủy hoại rừng để lại. Xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung; mang tính chất tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ rừng trong quần chúng nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo; tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đã thực hiện, các bị cáo đã trồng lại cây cho diện tích rừng đã bị chặt phá theo yêu cầu của bên bị hại là UBND xã M (Công văn số 238, ngày 16/7/2024 của UBND xã M ghi nhận việc cây trồng trên diện tích rừng bị chặt phá đã lên xanh, tốt) và qua ý kiến của đại diện UBND xã M trong quá trình điều tra và trong đơn gửi Tòa án, thấy rằng các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế -xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp, nên nhận thức và hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này ra, chưa vi phạm pháp luật lần nào, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các bị cáo có con còn nhỏ, sống phụ thuộc vào bố mẹ. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được chính quyền địa phương xác nhận, có thể cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, tạo điều kiện cho các bị cáo ở nhà cùng vợ xây dựng kinh tế gia đình, nuôi các con, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đảm bảo tính chất răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Vì vậy, cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương trên cơ sở có sự giám sát và giáo dục của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của Kiểm sát viên là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo, bản thân các bị cáo không có tài sản để đủ điều kiện và khả năng thi hành hình phạt bổ sung. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo đề nghị miến án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội do các bị cáo sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khan, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị hại là UBND xã M và đại diện cho bị hại là chủ tịch UBND xã M có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng trong

quá trình điều tra và trong đơn gửi Tòa án đã xác nhận các bị cáo và gia đình các bị cáo đã trồng lại rừng mới theo yêu cầu của UBND xã, cho nên các khoản bồi thường khác theo Kết luận định giá tài sản, UBND xã M không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về các nội dung khác trong vụ án: Đối với ông Giàng A S là bố đẻ của các bị cáo, theo lời khai của C1, H, H1, ông S là người chỉ vị trí rừng để các bị cáo đi chặt phá, nhưng hiện tại ông S đã chết, do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc máy cưa màu vàng, chạy bằng xăng (không rõ nhãn hiệu) H và H1 sử dụng để hạ các cây Dẻ, C3; 01 con dao phát H sử dụng để phát cây cỏ đã bị kẻ gian lấy mất, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy.

Trong vụ án này Giàng A H là em ruột của Giàng A C1 nhưng qua xác minh thu thập các căn cứ xác định tuổi của Giàng A H không thống nhất nên xác định lấy Căn cước công dân là giấy chứng minh có giá trị pháp lý cao nhất làm căn cứ xác định nhân thân, năm sinh của Giàng A H, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định tuổi của Hồ xác định tại thời điểm giám định Giàng A H có độ tuổi từ 18 tuổi trở lên.

Đối với hành vi H, C1, H1 sử dụng cưa máy cưa hạ các cây có tổng khối lượng gỗ là 96,492m³, tuy nhiên các cây gỗ mà cả ba cưa hạ thuộc loại Dẻ, M1, Chẹo đây là các loài cây thông thường không có tên trong "Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm" ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và có trong *"Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*" ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ. Do vậy, hành vi trên của H, C1, H1 không cấu thành tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại Điều 232 BLHS.

[9] Về vật chứng: 01 con dao dạng quắm phát nương có kích thước chiều dài từ đỉnh mũi nhọn tới cán cầm bằng gỗ 140cm, phần rộng nhát bản dao 05cm; 01 con dao quắm phát nương kích thước chiều dài từ đỉnh mũi dao tới cán cầm bằng gỗ 114cm,

phần rộng nhất bản dao 5,5cm. Tất cả đã qua sử dụng, có nhiều vết hoen rỉ trên bản của dao. Vật chứng nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự ; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy.

Đối với tổng khối lượng các cây gỗ là 96,492m^3 gỗ tiếp tục giao cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu đang quản lý, bảo quản để xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Án phí: Tại phiên tòa, các bị cáo có ý kiến xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, xét thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, lại thuộc hộ nghèo. Vì vậy, căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Quyết định số: Quyết định số: 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Giàng A C1, Giàng A H, Giàng A H1 đồng phạm tội "*Hủy hoại rừng".*

1. Về hình phat: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 36 Bộ luật hình sự cho cả 3 bị cáo. Xử phạt bị cáo Giàng A H 20 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Giàng A H1 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Giàng A C1 18 tháng cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo cho UBND xã M, nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành. Thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quant thi hành án hình sự Công an huyện P nhận được quyết định thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu

hủy: 01 con dao quắm, gồm phần lưỡi dao và cán dao có tổng chiều dài 82,3cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 31,5cm, bản rộng nhất 4,5cm, phần cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 50,8cm, đường kính 3,2cm, dao đã qua sử dụng; 01 con dao quắm, gồm phần lưỡi dao và cán dao có tổng chiều dài 78 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 31,2cm, bản rộng nhất 3,7cm, phần cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 46,8 cm, đường kính 3,7cm, dao đã qua sử dụng;

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024 giữa Công an huyện P, tỉnh Lai Châu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu).*

Đối với tổng khối lượng các cây gỗ là 96,492m^3 gỗ tiếp tục giao cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu đang quản lý, bảo quản để xử lý theo quy định.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Giàng A C1, Giàng A H, Giàng A H1.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Giàng A C1, Giàng A H, Giàng A H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết công khai theo quy định.